

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 95/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 24/5/2022

V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Giang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/. Ông Nguyễn Văn Tư.

2/. Ông Nguyễn Văn Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Tiểu Thơ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 24 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 55/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2022 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 72/2022/QĐST-HNGĐ ngày 06/5/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Mỹ D, sinh ngày 15/8/2000 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp P, xã P1, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Anh Dương Thành T, sinh năm 1994 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp M, xã M1, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị Mỹ D trình bày:

Tôi và anh T do mai mối nên quen biết nhau, tìm hiểu được 06 tháng thì tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn vào ngày 31/5/2021 tại Ủy ban nhân dân xã M1, huyện huyện C, tỉnh Tiền Giang. Sau khi kết hôn chúng tôi sinh sống cùng gia đình chồng, trong 02 tháng đầu cuộc sống vợ chồng tương đối hạnh phúc nhưng sau đó bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do chúng tôi không hợp với nhau về lối sống, cuộc sống vợ chồng thường xuyên xung đột, thường xuyên cự cãi, không hạnh

phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, anh T sống không có trách nhiệm với gia đình, thường xuyên đi nhậu say về chửi bới tôi và gia đình tôi rất nhiều, sau đó tôi về nhà mẹ ruột tôi sống, gia đình chồng có đến hòa giải nên tôi có trở về sinh sống chung với anh T nhưng anh T cũng không thay đổi mà sống lạnh nhạt với tôi nên tôi tiếp tục trở về nhà mẹ ruột tôi sống. Anh T có đến nhà mẹ ruột tôi hòa giải nhằm hàn gắn tình cảm, sau đó chúng tôi ra sống chung ở nhà trọ và đi làm ở Thành phố Hồ Chí Minh nhưng tôi nhận thấy anh T không thay đổi và làm cho mâu thuẫn gia đình tôi ngày thêm trầm trọng, thường xuyên cãi nhau nên tôi đã ly thân với anh T từ đầu tháng 02/2022 đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên tôi quyết định ly hôn với anh T .

Về con chung: Không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Dương Thành T đã được Tòa án tổng hợp hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến và vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Dương Thành T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt, chị D có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh T , chị D .

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Xét thấy, theo đơn khởi kiện, chị Trần Thị Mỹ D yêu cầu được ly hôn với anh Dương Thành T và chị D , anh T có đăng ký kết hôn hợp pháp nên đây là quan hệ pháp luật “Tranh chấp ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Dương Thành T có nơi cư trú tại xã M1 , huyện C, tỉnh Tiền Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, chị Trần Thị Mỹ D và anh Dương Thành T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã M1 , huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 35, ngày 31/5/2021 nên quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Chị D trình bày mâu thuẫn giữa chị và anh T xuất phát từ việc anh chị không hợp với nhau về lối sống, cuộc sống vợ chồng thường xuyên xung đột, cứ cãi nhau làm cho đời sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, anh T sống không có trách nhiệm với gia đình, thường xuyên đi nhậu say về chửi bới chị. Chị D và anh T đã ly thân với nhau từ đầu tháng 02/2022 đến nay.

Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án, chị D giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh T, anh T mặc dù đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến gì về nội dung vụ án và vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng, điều đó chứng tỏ anh T không còn tha thiết với cuộc sống vợ chồng. Chị D và anh T đã ly thân từ đầu tháng 02/2022 đến nay, từ khi ly thân đến nay anh, chị cũng không có giải pháp nào nhằm hàn gắn tình cảm vợ chồng, điều đó chứng tỏ hôn nhân của chị D và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó yêu cầu ly hôn của chị D là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Về con chung, nợ chung và tài sản chung: Chị D, anh T không có con chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị D phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Mỹ D.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Mỹ D được ly hôn với anh Dương Thành T.

2. Về án phí: Chị Trần Thị Mỹ D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị D đã nộp theo biên lai thu số 0001727 ngày 17/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang nên chị D đã thi hành xong án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị Mỹ D và anh Dương Thành T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã M1, huyện C, tỉnh Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Giang